



## BẢN TIN THAN NGÀY

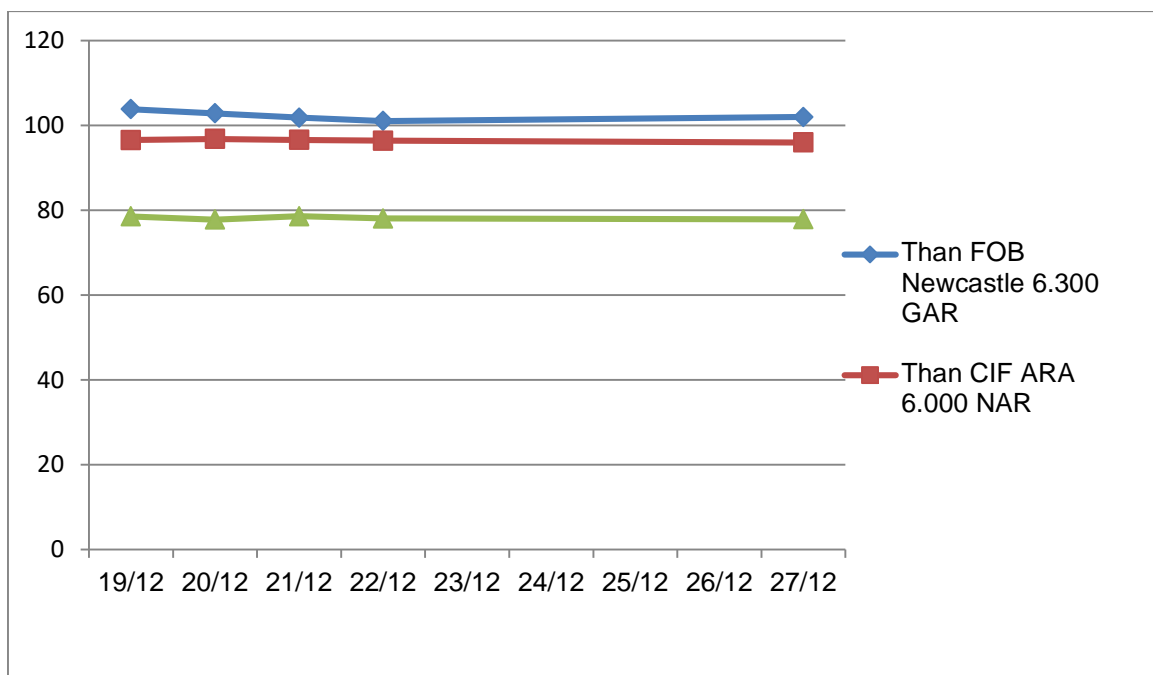
Ngày 28/12/2017

### CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	102,00	+0,95	104,50	+1,70
CIF ARA 6.000 NAR	96,00	-0,40	95,90	+1,00
FOB Richards Bay 5.500 NAR	77,85	-0,20	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	82,90	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	66,30	+0,20

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	54,90	+0,00	419,60	+0,61
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	74,30	-0,20	567,87	-0,70
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	87,70	+0,00	670,28	+0,97

### GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2017



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 27/12/2017)

## **DIỂM TIN**

### **Giá cước vận chuyển từ các cảng của Trung Quốc giảm trong tuần qua**

Theo cảng vụ Qinhuangdao giá cước vận chuyển đối với mặt hàng than từ cảng Qinhuangdao đến Zhangjiagang, Shanghai và Guangzhou có xu hướng giảm trong khoảng thời gian từ thứ 4 tuần trước đến thứ 3 tuần này. Giá cước vận chuyển than từ cảng Qinhuangdao đến cảng Zhangjiagang ở tỉnh Jiangsu cho tàu tải trọng 20.000 – 30.000 tấn giảm 7,80 NDT/tấn so với tuần trước xuống còn 70,50 NDT/tấn (10,76 USD/tấn) hôm thứ 3 vừa qua. Giá cước vận chuyển từ cảng Qinhuangdao đến Shanghai cho tàu tải trọng 40.000 – 50.000 tấn giảm 8,50 NDT/tấn so với tuần trước xuống mức 61,50 NDT/tấn. Giá cước vận chuyển từ cảng Qinhuangdao đến Guangzhou cho tàu tải trọng 50.000 – 60.000 tấn giảm 6,60 NDT/tấn so với tuần trước xuống mức 71,60 NDT/tấn. Nhu cầu tiêu thụ than tại các NMNĐ giảm nhẹ đã ảnh hưởng đến giá cước vận tải. Dự báo giá cước có thể sẽ tiếp tục giảm trong vài tuần tới. Trong khi đó, lượng than dự trữ tại các kho của cảng Qinhuangdao ở mức 6,735 triệu tấn trong ngày 26/12, giảm so với mức 6,765 triệu tấn thống kê hôm 19/12.

### **Số lượng tàu chờ làm hàng tại Port Waratah Coal Services giảm xuống còn 3 tàu**

Tính đến ngày 24/12, số lượng tàu chờ làm hàng tại các bến than của Port Waratah Coal Services (PWCS) – Newcastle đã giảm từ 4 tàu vào tuần trước xuống còn 3 tàu. Theo thông tin của Hunter Valley Coal Chain, số lượng tàu chờ vào cuối tháng 12 có thể đạt 4 tàu và 5 tàu vào cuối tháng 1/2018. Trong tuần này, 2,47 triệu tấn than đã được xuất khẩu từ PWCS, tăng 498.000 tấn so với tuần trước, nâng tổng khối lượng than xuất khẩu trong tháng tính đến thời điểm này lên 7,13 triệu tấn. Theo các chuyên gia, khối lượng than xuất khẩu trong tháng 12 được dự báo ở mức 9,3 triệu tấn, tháng 1 với 9,5 triệu tấn và 8,5 triệu tấn vào tháng 2. Tính từ đầu tháng đến nay, khối lượng than vận chuyển qua tuyến đường sắt của Newcastle là 11,53 triệu tấn, trong đó 4,4 triệu tấn là than xuất khẩu. Tính đến ngày 24/12, tại bến Carrington và Kooragang của Port Waratah có 1,16 triệu tấn than sẵn sàng để xuất khẩu, giảm 264.385 tấn so với tuần trước đó. Trong khi đó, ở cảng Gladstone - Queensland, đang có 17 tàu chờ làm hàng và 4 tàu trong quá trình rót than.

### **Đình công tại cảng Kembla Australia**

Theo đại diện của công nhân tại cảng Kembla, New South Wales, Australia, các công nhân tại đây đã bắt đầu đình công từ hôm thứ 5 và sẽ kéo dài qua lễ Giáng sinh. Theo số liệu của cảng vụ, Kembla phục vụ cho 6 mỏ than ở phía Nam và Tây Nam New South Wales bao gồm Centennial, Glencore, Peabody và South32 và xuất khẩu khoảng 10 triệu tấn than/năm. Các công nhân tại đây đã bắt đầu đình công lúc 00:01 giờ Sydney vào thứ 5 (13:00 GMT thứ 4) theo hình thức ngừng làm việc và dự định sẽ kéo dài qua ngày thứ 7 và Chủ Nhật. Hành động này tạm thời sẽ không ảnh hưởng đến hoạt động tại cảng Kembla. Đại diện của Công đoàn và cảng vụ Kembla, vốn thuộc sở hữu của 6 công ty khai thác than, đang đàm phán lại Thỏa ước Lao động mới với thời hạn 2 năm 9 tháng, nhưng các cuộc đàm phán đã tạm ngừng vào tuần trước. Đại diện cảng Kembla đã cảnh báo các cuộc đình công có thể đe dọa đến hoạt động của cảng. Theo phát ngôn viên của cảng vụ: "Chúng ta phải đạt được thỏa thuận càng sớm càng tốt để đảm bảo vận hành thông suốt và cung cấp dịch vụ xuất khẩu thiết yếu cho ngành than của New South Wales".

(Nguồn: Platts)

## **CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ**

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn	Thay đổi
<b>Capesize</b> (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	7,10		-1,35
	Queensland	Nhật Bản	8,15		-1,70
	New South Wales	Hàn Quốc	8,40		-1,70
<b>Panamax</b> (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,05		+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,80		-0,05
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	12,25		+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,45		-0,05
	Úc	Trung Quốc	11,20		-0,10
	Úc	Ấn Độ	12,45		+0,00

*(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 27/12/2017)*